



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Article info

Type of article:

Scientific information

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.146-155>

***Corresponding author:**

Email address:

tuyetvt@hht.edu.vn

Received: 10/08/2026

Received in Revised Form:
17/08/2026

Accepted: 08/09/2026

Enhancing the Quality and Development of Vietnamese Scientific Journals to International Standards: Experiences in Scopus and Web of Science Integration, Trends, and Development Models for the 2026–2030 Period

Pham Xuan Khanh, Vuong Thi Tuyet*

Hanoi College of High Technology, Nhue Giang Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi, Vietnam

Abstract: This article analyzes significant shifts in global scientific publishing amidst the rise of open science, open data, artificial intelligence, peer review, and digital transformation, while also clarifying current evaluation criteria used by Web of Science and Scopus. Drawing on a review of international literature and an analysis of specific Vietnamese scientific journals, the study identifies the factors driving sustainable growth as well as the reasons why journals may fail initial evaluations or face re-evaluation after being indexed. Consequently, the author proposes a journal development model for the 2026–2030 period based on five pillars: modern governance, academic quality, internationalization, digital transformation, and academic impact. This model is applied to outline a development roadmap for scientific publishing at Hanoi College of High Technology, prioritizing the cultivation of research capacity and a culture of quality—rather than merely chasing indexation—as the foundation for international integration.

Keywords: scientific journal, Scopus, Web of Science, journal governance, international integration.



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Thông tin bài viết
Dạng bài viết:
Thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.146-155>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

tuyetvt@hht.edu.vn

Ngày nộp bài: 10/08/2026

Ngày nộp bài sửa: 17/08/2026

Ngày chấp nhận: 08/09/2026

Nâng cao chất lượng và phát triển tạp chí khoa học Việt Nam theo chuẩn quốc tế: Kinh nghiệm hội nhập Scopus và Web of Science, xu hướng và mô hình phát triển giai đoạn 2026–2030

Phạm Xuân Khánh, Vương Thị Tuyết*

Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội, Phố Nhuệ Giang, Phường Xuân Phương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết phân tích những chuyển dịch quan trọng của xuất bản khoa học thế giới trong bối cảnh khoa học mở, dữ liệu mở, trí tuệ nhân tạo, phản biện khoa học và chuyển đổi số; đồng thời làm rõ những yêu cầu hiện hành trong đánh giá tạp chí của Web of Science và Scopus. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu quốc tế và phân tích một số trường hợp tạp chí khoa học Việt Nam, bài viết nhận diện các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cũng như nguyên nhân khiến tạp chí có thể không vượt qua vòng đánh giá hoặc bị tái đánh giá sau khi được lập chỉ mục. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình phát triển tạp chí giai đoạn 2026–2030 dựa trên năm trụ cột: quản trị hiện đại, chất lượng học thuật, quốc tế hóa, chuyển đổi số và ảnh hưởng học thuật. Mô hình được vận dụng để đề xuất lộ trình phát triển hoạt động xuất bản khoa học tại Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội, theo quan điểm không chạy theo chỉ mục mà xây dựng năng lực nghiên cứu và văn hóa chất lượng làm nền tảng cho hội nhập quốc tế.

Từ khóa: tạp chí khoa học, Scopus, Web of Science, quản trị tạp chí, hội nhập quốc tế.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, khi trao đổi về phát triển tạp chí khoa học tại Việt Nam, câu hỏi mà chúng ta thường nghe là: “Làm thế nào để tạp chí được vào Scopus hoặc Web of Science (WoS)?” Đây là câu hỏi rất phổ biến, song cũng phản ánh một quan niệm chưa thật sự toàn diện về phát triển xuất bản khoa học. Nếu chỉ xem việc được lập chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu quốc tế này như một mục tiêu cuối cùng thì đó thực sự mới chỉ là phần nổi của tảng băng.

Thay vào đó, để phát triển bền vững, tạp chí

khoa học cần được xây dựng dựa trên những nền tảng sâu sắc hơn bao gồm: chất lượng học thuật thực sự tốt; quản trị minh bạch, khoa học; cộng đồng khoa học đủ mạnh; cùng với các công bố có giá trị đủ để được cộng đồng khoa học trong và ngoài nước quan tâm, trích dẫn và sử dụng. Khi làm tốt những điều này, việc tạp chí được vào Scopus hoặc WoS chỉ là một phần tất yếu của quá trình phát triển, không phải là mục đích bắt buộc phải đạt được bằng mọi giá.

Ở trình độ phát triển cao hơn, tạp chí khoa học không đơn thuần là phương tiện công bố bài

báo mà trở thành một phần nền tảng của hạ tầng tri thức quốc gia: nơi xác lập chuẩn mực nghiên cứu, tổ chức phản biện khoa học nghiêm túc, sàng lọc chất lượng, kết nối cộng đồng khoa học và lưu giữ hồ sơ học thuật lâu dài. Đó là một thiết chế học thuật có giá trị không thể thay thế cho bất kỳ hệ thống khoa học hiện đại nào.

Trong những năm qua, hệ thống tạp chí khoa học của Việt Nam đã ghi nhận những tiến bộ đáng khích lệ. Một số tạp chí do các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức khoa học chủ trì đã có mặt trên Scopus và WoS, đồng thời xây dựng được mạng lưới tác giả và phản biện quốc tế tương đối ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng cách không nhỏ giữa tạp chí “đáp ứng kỹ thuật để được lập chỉ mục” và tạp chí “có ảnh hưởng học thuật thực chất”. Khoảng cách này càng trở nên rõ ràng hơn khi môi trường xuất bản khoa học thế giới đang biến đổi nhanh chóng với các xu hướng khoa học mở, dữ liệu mở, trí tuệ nhân tạo (AI), các công cụ kiểm tra liên chính và chuyển đổi số.

Đặc biệt, Scopus và WoS ngày càng chú trọng đến việc duy trì chất lượng liên tục của tạp chí sau khi nó đã được chấp nhận lập chỉ mục. Đây là sự thay đổi căn bản trong cách xây dựng và vận hành tạp chí khoa học: Việc được lập chỉ mục không phải là đích đến cuối cùng mà chỉ là một mốc quan trọng trong chu trình đảm bảo chất lượng bền vững, liên tục.

Vì vậy, trong bài tham luận này, chúng tôi muốn tập trung vào bốn vấn đề chính:

Thứ nhất, xuất bản khoa học toàn cầu hiện nay đang thay đổi theo hướng nào?

Thứ hai, những yêu cầu ngày càng khắt khe của Scopus và WoS hé lộ điều gì về mô hình quản trị tạp chí hiện đại?

Thứ ba, từ kinh nghiệm hội nhập của các tạp chí khoa học Việt Nam đã thành công, chúng ta có thể học được gì?

Cuối cùng, đối với Việt Nam nói chung, đặc biệt các cơ sở giáo dục đại học và nghề nghiệp đang thúc đẩy năng lực nghiên cứu, nên lựa chọn lộ trình phát triển tạp chí khoa học như thế nào trong giai đoạn 2026–2030?

2. Xuất bản khoa học đang chuyển từ “công bố bài báo” sang “quản trị hệ sinh thái tri thức”

2.1. Khoa học mở đang thay đổi khái niệm về một công bố khoa học

Một trong những thay đổi quan trọng nhất của khoa học đương đại là sự phát triển của khoa học mở.

Một trong những thay đổi cốt lõi của khoa học đương đại là sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng khoa học mở (Open Science). UNESCO đã ban hành khuyến nghị về khoa học mở vào năm 2021, xác định mục tiêu làm cho tri thức khoa học dễ tiếp cận, sử dụng và tái sử dụng rộng rãi hơn, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của xã hội và hợp tác khoa học toàn cầu [1].

Điều này dẫn đến thay đổi căn bản về bản chất công bố khoa học: Sản phẩm nghiên cứu không còn bó hẹp trong bài báo khoa học cuối cùng. Các yếu tố đi kèm như bộ dữ liệu, phương pháp, mã nguồn phần mềm, quy trình xử lý, mẫu vật liệu nghiên cứu... đều trở thành bộ phận không thể tách rời giúp người đọc kiểm chứng, tái sử dụng và xây dựng trên nền tảng đó.

Các nguyên tắc FAIR do Wilkinson và cộng sự (2016) đề xuất [2] – Findable, Accessible, Interoperable và Reusable (dễ tìm kiếm, dễ tiếp cận, có khả năng liên thông và có thể tái sử dụng) – đã trở thành một tham chiếu quan trọng trong quản trị dữ liệu nghiên cứu. Cùng với đó, những thảo luận về tính tái lập của khoa học cho thấy minh bạch phương pháp và dữ liệu ngày càng gắn trực tiếp với độ tin cậy của công bố [3].

Việc minh bạch dữ liệu và phương pháp nghiên cứu cũng liên quan trực tiếp đến độ tin cậy và khả năng tái lập kết quả nghiên cứu. Đây là điểm rất đáng lưu ý trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều tạp chí khoa học Việt Nam cần sớm xây dựng chính sách đề cập đến việc công khai dữ liệu nghiên cứu, bắt buộc khai báo về việc sử dụng dữ liệu (Data Availability Statement), cung cấp kho dữ liệu nghiên cứu, mã nguồn mở... Những yếu tố này đang dần trở thành chuẩn mực bắt buộc trong xuất bản khoa học hiện đại.

2.2. Trí tuệ nhân tạo - cơ hội và trách nhiệm

Sự xuất hiện mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh đang tác động sâu rộng tới nghiên cứu khoa học và xuất bản. Nhà khoa học ngày nay có thể dùng AI để tìm kiếm, tổ chức thông tin, phân tích dữ liệu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên hoặc cải thiện cách trình bày luận văn, báo cáo. Ban biên tập tạp chí cũng có thể dùng AI để kiểm tra bản thảo, nhận diện dấu hiệu bất thường hoặc hỗ trợ quy trình quản lý.

Tuy vậy, cùng với sức mạnh công nghệ, trách nhiệm của con người càng cao hơn bao giờ hết. Các hướng dẫn quốc tế đều nhấn mạnh rằng AI không phải là tác giả chịu trách nhiệm chính cho độ chính xác hay tính nguyên gốc của công trình. Người chịu trách nhiệm cuối cùng vẫn là tác giả và Ban biên tập. Việc sử dụng AI cũng phải minh bạch khi có ảnh hưởng đáng kể đến nội dung khoa học.

Scopus hiện đã khuyến cáo các tạp chí xây dựng chính sách riêng liên quan đến AI tạo sinh và công khai việc sử dụng AI trong quá trình tạo nội dung hoặc phản biện [4]. Do đó, các Ban biên tập cần trả lời câu hỏi không phải là “có cho phép AI không?”, mà là “AI được sử dụng như thế nào, ở đâu, ai chịu trách nhiệm và cơ chế minh bạch ra sao?”

2.3. Chuyển đổi số - không chỉ đơn giản là số hóa bản in

Một quan niệm sai lầm phổ biến là chuyển đổi số tạp chí chỉ là việc đưa bản in lên trang điện tử dưới dạng PDF. Trên thực tế, chuyển đổi số phải bao phủ toàn bộ chuỗi giá trị của quá trình xuất bản: từ nộp bài, sàng lọc, lựa chọn và theo dõi phản biện, chỉnh sửa, biên tập, xuất bản, định danh, lưu trữ, đo lường hiệu quả và truyền thông.

Một tạp chí hiện đại cần xây dựng hạ tầng số gồm hệ thống quản trị bản thảo tiêu chuẩn (như OJS - Open Journal Systems), DOI, ORCID cho tác giả, metadata có cấu trúc, Crossref, khả năng xuất định dạng XML/JATS, lưu trữ lâu dài và thống kê dữ liệu quản trị (như thời gian xử lý bản thảo, tỷ lệ từ chối, số phản biện quốc tế).

Nhờ đó, Ban biên tập không chỉ biết “quản lý hồ sơ” mà có thể vận hành quản trị dựa trên phân tích dữ liệu để nâng cao hiệu quả và chất lượng.

2.4. Phản biện đang được nhìn nhận như một thiết chế bảo đảm chất lượng

Phản biện khoa học vẫn giữ vai trò trung tâm trong xuất bản học thuật, song các nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều hạn chế và nhu cầu cải tiến liên tục. Một hướng cải tiến nổi bật là mở rộng các mô hình “phản biện mở (open peer review)” với nhiều cấp độ minh bạch như công khai danh tính phản biện, công khai báo cáo phản biện, tương tác mở giữa tác giả và phản biện hoặc phản biện sau xuất bản [5, 6].

Không phải mọi tạp chí đều cần áp dụng phản biện mở ngay, nhưng tinh thần minh bạch, trách nhiệm và khả năng truy vết trong quy trình phản biện là bắt buộc.

Một quy trình phản biện đáng tin cậy cần trả lời rõ các câu hỏi: Ai chọn phản biện? Tiêu chí lựa chọn ra sao? Xung đột lợi ích được xử lý thế nào? Có bao nhiêu phản biện độc lập? Quyết định biên tập dựa trên cơ sở nào? Khiếu nại xử lý ra sao? Đây là nơi chất lượng tạp chí được hình thành vững chắc.

3. Scopus và Web of Science - từ kiểm tra điều kiện đến đánh giá năng lực duy trì chất lượng

3.1. Web of Science: chất lượng là điều kiện trước, tác động là bước tiếp theo

Đối với Clarivate (chủ quản WoS), quá trình đánh giá tạp chí gồm 24 tiêu chí về chất lượng và 4 tiêu chí về tác động trích dẫn [7]. Tạp chí đạt đủ tiêu chí về chất lượng có thể được đưa vào Emerging Sources Citation Index (ESCI). Từ đó có thể tiếp tục được đánh giá để vào nhóm chỉ mục xếp hạng cao hơn như SCIE, SSCI hoặc AHCI dựa trên tiêu chí tác động.

Mô hình đánh giá này nhấn mạnh tầm quan trọng của chất lượng làm nền tảng không thể thiếu. Một tạp chí không thể “bù” thiếu sót về quản trị, minh bạch bằng vài bài có trích dẫn cao. Hệ thống cũng có tính động, tức là tạp chí được đưa vào các chỉ mục cao hơn khi tăng ảnh hưởng và ngược lại có thể bị chuyển lại về chỉ mục thấp hoặc bị loại khỏi Core Collection nếu không duy trì chuẩn mực chất lượng.

Ngoài ra, Clarivate áp dụng cơ chế “on hold”

khi có quan ngại về chất lượng hay liên chính (không nhất thiết là xác nhận vi phạm) để rà soát kỹ hơn [8]. Điều này gửi đi thông điệp rõ ràng: được lập chỉ mục hôm nay không đồng nghĩa với “được bảo đảm” mãi mãi.

3.2. Scopus: Năm nhóm tiêu chí và cơ chế tái đánh giá liên tục

Scopus yêu cầu tạp chí đáp ứng các điều kiện kỹ thuật cơ bản như có quy trình phản biện, xuất bản đều đặn, có ISSN, cung cấp tiêu đề và tóm tắt bằng tiếng Anh, đồng thời công khai chính sách đạo đức xuất bản và xử lý hành vi sai phạm [9].

Sau đó, Hội đồng Khoa học và Biên tập (CSAB) đánh giá theo năm nhóm tiêu chí: chính sách tạp chí, nội dung, vị thế, tính đều đặn và khả năng tiếp cận trực tuyến. Quốc tế hóa thể hiện rõ qua sự phân bổ địa lý các biên tập viên và tác giả, nhưng yếu tố này phải thực chất chứ không chỉ hình thức.

Scopus cũng có chương trình tái đánh giá thường xuyên dựa trên dữ liệu và phản hồi của cộng đồng khoa học, có thể gắn cờ tạp chí và đánh giá lại theo tiêu chí ban đầu [9]. Đây là điểm cần lưu ý lớn cho các Ban biên tập trong nước, không nên xây dựng chiến lược chỉ nhằm “đủ tiêu chuẩn để được nhận” mà phải xây dựng tạp chí đủ mạnh để vượt qua mọi cuộc tái kiểm tra dài hạn.

3.3. Nguyên nhân tạp chí bị từ chối hoặc bị đưa vào diện rà soát

Không có công thức cụ thể cho mọi trường hợp nhưng có thể phân nhóm rủi ro chính:

Quản trị không nhất quán: Mục tiêu và phạm vi công bố không thống nhất với nội dung xuất bản; Hội đồng biên tập công bố không rõ vai trò, quy trình phản biện không vận hành đúng như công khai.

Rủi ro đạo đức và liên chính: Chính sách về xung đột lợi ích, đạo văn, thao túng dữ liệu, quyền tác giả, xử lý khiếu nại không đầy đủ hoặc vận hành kém chất lượng.

Bất thường trong công bố và trích dẫn: Sự tăng đột biến bài viết, thay đổi đột ngột cơ cấu tác giả, xuất hiện các cụm trích dẫn bất thường, dấu

hiệu không phù hợp với lịch sử phát triển.

Quốc tế hóa hình thức: Biên tập viên nước ngoài “làm cảnh”, website tiếng Anh sơ sài, tập trung tác giả quốc tế không đa dạng.

Tóm lại, nguyên nhân sâu xa là tạp chí chưa có hệ thống tự bảo đảm chất lượng vững chắc.

4. Kinh nghiệm từ các tạp chí khoa học Việt Nam

Theo Quyết định số 2244/QĐ-BKHCN năm 2026, Việt Nam hiện có 341 tạp chí đạt tiêu chuẩn khoa học, trong đó 16 tạp chí được lập chỉ mục quốc tế trên Scopus hoặc Web of Science [10]. Qua nghiên cứu các tạp chí tiêu biểu, có thể nhận thấy các mô hình phát triển thành công rất khác nhau nhưng đều có điểm chung cơ bản: chiến lược rõ ràng, chuyên môn hóa đúng mức, quản trị thực chất, phản biện nghiêm ngặt, quốc tế hóa có chiều sâu.

4.1. Khoa học tự nhiên

Các tạp chí toán học là trường hợp tiêu biểu cho giá trị của chuyên môn hóa. *Acta Mathematica Vietnamica*, chẳng hạn, hiện được lập chỉ mục trong Scopus và Emerging Sources Citation Index, đồng thời được xuất bản trên nền tảng Springer.

Điểm đáng học hỏi không chỉ là hợp tác với một nhà xuất bản quốc tế. Quan trọng hơn là tạp chí có một phạm vi học thuật rõ, một cộng đồng chuyên ngành xác định và một lịch sử phát triển đủ dài.

Đây là bài học quan trọng: tạp chí càng mới càng không nên tham về phạm vi. Một tạp chí muốn công bố “mọi lĩnh vực khoa học và công nghệ” sẽ rất khó tạo bản sắc, khó hình thành cộng đồng phản biện ổn định và khó trả lời câu hỏi cơ bản: vì sao một nhà khoa học quốc tế phải chọn tạp chí này thay vì hàng nghìn tạp chí khác?

Trong lĩnh vực vật liệu, *Journal of Science: Advanced Materials and Devices* cho thấy một mô hình khác: lựa chọn lĩnh vực có năng lực nghiên cứu mạnh, xuất bản bằng tiếng Anh, kết nối với nhà xuất bản quốc tế và tạo mức độ hiển thị cao. Tạp chí hiện được Scopus lập chỉ mục và có hệ thống chỉ số quốc tế rõ ràng.

Điểm chung của hai trường hợp không phải

mô hình sở hữu hay nhà xuất bản, mà là bản sắc học thuật đủ rõ để được cộng đồng chuyên ngành nhận diện.

4.2. Kỹ thuật – công nghệ

Vietnam Journal of Computer Science là một trường hợp điển hình đáng nghiên cứu. Trong bài xã luận công bố năm 2016, Ban biên tập cho biết đến cuối năm 2015 đã nhận 348 bản thảo, chấp nhận 53 bài và từ chối 283 bài (81%) [11]. Đồng thời, Ban Biên tập xác định mục tiêu duy trì lịch xuất bản ổn định, tăng cường tính quốc tế và không ngừng nâng cao chất lượng học thuật, qua đó từng bước đáp ứng các yêu cầu để được ghi nhận trong những cơ sở dữ liệu chỉ mục quốc tế có uy tín.

Vietnam Journal of Computer Science chỉ ra bài học quan trọng: phải có đủ năng lực từ chối bài không đạt để bảo vệ chất lượng. Trong nhóm lĩnh vực này, Việt Nam có lợi thế phát triển nhanh các ngành AI, bán dẫn, sản xuất thông minh, robot... nhưng lợi thế chỉ được chuyển thành giá trị khi xây dựng cộng đồng nghiên cứu đủ mạnh và mạng lưới phản biện đa quốc gia.

4.3. Kinh tế – quản trị

Journal of Asian Business and Economic Studies của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt vị trí Q1 trong Scopus và đồng thời chủ động mở rộng mạng lưới hợp tác học thuật thông qua các hội nghị quốc tế và quan hệ với các đại học trong khu vực.

Bài học ở đây không đơn giản là “xuất bản bằng tiếng Anh”. Tiếng Anh chỉ là điều kiện giao tiếp. Quốc tế hóa thực chất nằm ở việc tạp chí trở thành một nút của mạng lưới học thuật quốc tế.

Khi hội nghị, nhóm nghiên cứu, Ban biên tập, tác giả, phản biện và tạp chí được kết nối trong cùng một hệ sinh thái, nguồn bản thảo tốt không còn hoàn toàn phụ thuộc vào việc phát thông báo mời bài.

Đây là điểm các trường đại học Việt Nam có thể học: phát triển tạp chí phải đi cùng phát triển hội nghị, seminar, nhóm nghiên cứu và hợp tác quốc tế.

4.4. Mô hình đại học đa ngành

Đại học Huế tổ chức Hue University Journal

of Science với 6 tạp chí theo lĩnh vực khác nhau gồm khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học trái đất và môi trường, kinh tế và phát triển, khoa học xã hội và nhân văn. Mỗi tạp chí có biên tập chuyên môn và Hội đồng biên tập, trong khi vẫn nằm trong một hệ thống quản trị chung, cân bằng giữa chuyên môn hóa và tập trung hạ tầng.

Đại học Cần Thơ tận dụng lợi thế nghiên cứu vùng với các vấn đề đặc thù của Đồng bằng sông Cửu Long về nông nghiệp, thủy sản, môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững vừa mang tính địa phương vừa có ý nghĩa quốc tế.

Đối với Học viện Nông nghiệp Việt Nam, *Vietnam Journal of Agricultural Sciences* cũng cho thấy tư duy xây dựng lộ trình khá rõ: phiên bản tiếng Anh được triển khai từ năm 2018, xuất bản định kỳ và áp dụng phản biện với chuyên gia trong nước và quốc tế, với mục tiêu hướng tới các cơ sở chỉ mục quốc tế.

Những trường hợp trên cho thấy, không tồn tại công thức chung cho mọi tạp chí, nhưng mẫu số chung là sự kết hợp giữa: chiến lược rõ, phạm vi chuyên môn, quản trị thật, phản biện thật và quốc tế hóa thực sự.

5. Năm bài học cốt lõi cho phát triển tạp chí khoa học Việt Nam

Từ các phân tích trên, có thể rút ra năm bài học quan trọng:

Xây dựng tạp chí dựa trên cộng đồng nghiên cứu thực chất, không phải chỉ dựa trên giấy phép hoặc hình thức xuất bản. Một tạp chí bền vững phải gắn liền với nhóm nghiên cứu, hội nghị, seminar, đề tài nghiên cứu cụ thể.

Chất lượng phản biện là tài sản quý giá nhất. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu phản biện, quản lý xung đột lợi ích, ghi nhận đóng góp của chuyên gia chặt chẽ. Phản biện không phải thủ tục hành chính mà là nền tảng đảm bảo chất lượng.

Quốc tế hóa phải xuất phát từ nội dung và quy trình thực chất. Một website tiếng Anh hay hội đồng biên tập nước ngoài không đủ nếu không có sự đa dạng thực sự, tương tác và ảnh hưởng quốc tế.

Cơ quan chủ quản cần xem tạp chí là hạ tầng nghiên cứu, đầu tư bài bản về nhân lực, tài chính, công nghệ, đào tạo và phát triển mạng lưới hợp tác.

Cơ quan quản lý nhà nước cần chuyển trọng tâm từ gia tăng số lượng sang phát triển năng lực quản trị và duy trì chất lượng.

Mục tiêu không nên chỉ là “có thêm bao nhiêu tạp chí Scopus/WoS”, mà cần quan tâm bao nhiêu tạp chí vận hành theo chuẩn quốc tế, có hệ thống phản biện đáng tin cậy, có dữ liệu mở, có chính sách liên chính, có tác giả quốc tế và có khả năng duy trì chất lượng lâu dài.

6. Mô hình 5 trụ cột phát triển tạp chí khoa học giai đoạn 2026–2030

Dựa trên kinh nghiệm và thực tiễn, mô hình phát triển giai đoạn tới gồm năm trụ cột quan trọng liên kết chặt chẽ:

Quản trị hiện đại: Tạp chí cần chiến lược phát triển rõ ràng, quy trình văn bản hóa, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích và cơ chế giám sát chất lượng liên tục. Tổng biên tập cùng Hội đồng Biên tập cần chuyển hướng từ “quản lý hành chính” sang vai trò lãnh đạo học thuật.

Chất lượng học thuật: Bắt đầu từ phạm vi tạp chí cố định, tiêu chuẩn bản thảo và phản biện nghiêm ngặt. Theo dõi các chỉ số quản trị như tỷ lệ từ chối ban đầu (desk rejection), thời gian xử lý, số lượng phản biện mỗi bài, tỷ lệ phản biện quốc tế, số bài bị đính chính, rút lại.

Quốc tế hóa thực chất: Đánh giá qua tỷ lệ biên tập viên và phản biện quốc tế hoạt động, số tác giả ngoài Việt Nam, sự tham gia của các guest editor quốc tế cho số chuyên đề, cũng như mạng lưới hội nghị và hợp tác học thuật.

Chuyển đổi số: Toàn bộ quy trình xuất bản được số hóa với hệ thống quản lý bài viết đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, dữ liệu đầy đủ, chính xác, mỗi bài viết có mã định danh tài liệu số và tác giả sử dụng mã định danh nhà nghiên cứu. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ đồng bộ và lưu trữ an toàn, lâu dài. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo phải tuân thủ chính sách rõ ràng, minh bạch đặt dưới sự kiểm tra, giám sát con người.

Ảnh hưởng học thuật: Tầm ảnh hưởng của tạp chí không được tạo nên bằng các thủ thuật làm tăng số lượt trích dẫn, mà phải được xây dựng từ những bài báo có chất lượng, chủ đề nghiên cứu có giá trị, khả năng tiếp cận thuận lợi và hoạt động truyền thông hiệu quả tới cộng đồng học thuật quốc tế.

Năm trụ cột này hoạt động như một chuỗi logic: Quản trị tốt → phản biện tốt → bài báo tốt → cộng đồng quốc tế sử dụng → ảnh hưởng học thuật tăng → khả năng hội nhập Scopus/WoS được củng cố.

7. Vận dụng mô hình tại Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội

Đối với Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội (HHT), việc áp dụng mô hình phát triển tạp chí cần có cách tiếp cận riêng, xuất phát từ chính đặc thù một cơ sở Giáo dục nghề nghiệp định hướng công nghệ cao. Do vậy, mục tiêu trong giai đoạn 2026–2030 không nên đặt ngay vào việc xây dựng một tạp chí để vào Scopus hoặc Web of Science, mà phải tập trung xây dựng năng lực nghiên cứu, quản trị và xuất bản dựa trên thế mạnh ứng dụng và đào tạo nghề công nghệ cao.

Khác với các Đại học nghiên cứu, thế mạnh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nói chung và Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội nói riêng có lợi thế đặc thù là khả năng kết nối trực tiếp giữa đào tạo nghề, công nghệ, doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất, điều này tạo nên bản sắc học thuật có thể phát triển thành chủ đề tạp chí riêng biệt, có thể trở thành lợi thế cạnh tranh nếu được chuyển hóa thành các vấn đề nghiên cứu có phương pháp, có dữ liệu và có khả năng đóng góp tri thức.

Chính sự đặc thù của giáo dục nghề nghiệp, phạm vi học thuật của Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội có thể tập trung vào các lĩnh vực giao thoa giữa công nghệ ứng dụng và giáo dục nghề nghiệp, như: tự động hóa, cơ điện tử, điện tử, công nghệ ô tô, bán dẫn, sản xuất thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ môi trường, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, mô hình đào tạo gắn kết doanh nghiệp, đánh giá kỹ năng nghề.

Điểm khác biệt cần tạo dựng là nghiên cứu từ thực tiễn sản xuất và đào tạo nghề vẫn có giá trị quốc tế nếu có ý nghĩa khoa học rõ ràng, sử dụng phương pháp nghiên cứu tin cậy và trả lời được các vấn đề mà cộng đồng khoa học quốc tế đang quan tâm.

Từ các mô hình trụ cột đã đề xuất, lộ trình tại Trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội có thể triển khai theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: 2026–2027 - Xây nền tảng

Trong hai năm đầu, ưu tiên chưa phải là chỉ mục quốc tế mà là hoàn thiện định hướng phát triển, xác định rõ phạm vi chuyên môn, xây dựng quy trình tiếp nhận, phản biện, biên tập, xuất bản, ban hành các chính sách về đạo đức nghiên cứu,... Giai đoạn này Nhà trường cần xây dựng đội ngũ nòng cốt về biên tập khoa học, phản biện, tiếng Anh học thuật và quản trị tạp chí số; từng bước triển khai nền tảng quản lý trực tuyến, DOI, ORCID và metadata chuẩn hóa

Mục tiêu kết thúc giai đoạn này là có hệ thống quản trị hoàn chỉnh, quy trình công khai, có khả năng kiểm soát chất lượng, công bố bài tiếng Anh đạt chuẩn.

Giai đoạn 2: 2028–2029 – Quốc tế hóa và xây dựng cộng đồng học thuật

Khi nền tảng đã ổn định, HHT cần chuyển sang câu hỏi: *Ai sẽ đọc và ai sẽ viết cho tạp chí ngoài chính cán bộ của Trường?*

Nhà trường cần khai thác mạng lưới hợp tác với doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu và đối tác quốc tế để xây dựng các số chuyên đề về những lĩnh vực có thể mạnh như sản xuất thông minh, bán dẫn, chuyển đổi xanh, giáo dục nghề nghiệp số hoặc đào tạo nhân lực cho công nghiệp 4.0.

Hội đồng biên tập và phản biện cần có sự góp mặt của chuyên gia ngoài trường, nhà khoa học có uy tín và từng bước mời các nhà khoa học nước ngoài.

Mục tiêu là đưa tạp chí ra khỏi phạm vi nội bộ, tăng tỷ lệ tác giả và phản biện quốc tế, duy trì lịch xuất bản, cải thiện chất lượng dữ liệu, áp dụng chuẩn đạo đức nghiêm ngặt và kiểm soát thời gian

xử lý bản thảo.

Giai đoạn 3: 2030 – Đánh giá mức độ sẵn sàng hội nhập quốc tế

Tiến hành đánh giá toàn diện theo tiêu chí Scopus và WoS với sự tham gia của các chuyên gia quốc tế, tập trung vào các tiêu chí như chất lượng bài báo, lịch xuất bản, cơ cấu tác giả, phản biện, tỷ lệ từ chối, chỉ số trích dẫn, đa dạng địa lý, hoạt động biên tập, đạo đức, dữ liệu và chất lượng tiếng Anh. Chỉ khi kết quả đánh giá đạt ổn định và bền vững mới nên thực sự cân nhắc nộp hồ sơ vào các cơ sở dữ liệu quốc tế.

Nếu thực hiện thành công trong cách tiếp cận này thì tạp chí khoa học của Nhà trường không chỉ là nơi công bố kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, mà có thể trở thành diễn đàn học thuật về công nghệ ứng dụng và đổi mới giáo dục nghề nghiệp, kết nối giữa nhà trường, nhà khoa học, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước và quốc tế. Đây mới là nền tảng bền vững để hướng tới các chuẩn mực của Scopus và Web of Science trong dài hạn.

8. Khuyến nghị

Từ trường hợp vận dụng tại Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội có thể mở rộng thành một số khuyến nghị.

- Đối với Ban biên tập: Giữ vững chất lượng bài báo và liên chính học thuật là giới hạn không thể thỏa hiệp. Không nên vì áp lực số lượng bài hay chỉ tiêu công bố mà giảm tiêu chuẩn phản biện.

- Đối với cơ quan chủ quản: Xem tạp chí là một hạ tầng nghiên cứu quan trọng, đầu tư kinh phí, nhân lực chuyên nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đào tạo, biên tập tiếng Anh và phát triển mạng lưới học thuật.

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Nhận thức rằng nghiên cứu khoa học không nhất thiết phải sao chép mô hình đại học nghiên cứu. Thế mạnh nằm ở nghiên cứu ứng dụng, cải tiến công nghệ, đào tạo gắn với doanh nghiệp, chuyển đổi số... Đây hoàn toàn có thể là nguồn tri thức quốc tế nếu được tổ chức tốt.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Cần có chính sách hỗ trợ chiều sâu về đào tạo biên tập

viên, hạ tầng kỹ thuật phục vụ xuất bản số như mã định danh tài liệu số, hệ thống đăng ký và kết nối dữ liệu xuất bản,... biên tập tiếng Anh, đạo đức xuất bản, dữ liệu mở và nối mạng quốc tế. Đánh giá hiệu quả dựa trên khả năng duy trì chất lượng, không phải số lượng tạp chí vào được các cơ sở dữ liệu.

9. Kết luận

Nhìn lại kinh nghiệm hội nhập quốc tế và những thay đổi quan trọng trong các cơ sở dữ liệu uy tín cũng như sự phát triển của khoa học mở và chuyển đổi số, rõ ràng thời kỳ phát triển tạp chí chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân và nỗ lực thiếu hệ thống đang dần khép lại.

Tạp chí khoa học hiện đại cần vận hành như một thiết chế học thuật chuyên nghiệp, có chiến lược phát triển rõ ràng, dựa trên dữ liệu nhằm kiểm soát chất lượng và cam kết trách nhiệm minh bạch.

Trong giai đoạn 2026–2030, mục tiêu không nên chỉ là tăng số lượng tạp chí vào Scopus và WoS mà là xây dựng một lớp tạp chí có năng lực quản trị quốc tế, cộng đồng học thuật thực chất và năng lực duy trì chất lượng bền vững.

Đối với Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội, cơ hội nằm ở chính bản sắc riêng biệt: công nghệ cao, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo gắn với thực hành và doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nếu biết chuyển các thế mạnh này thành câu hỏi nghiên cứu khoa học đáng tin cậy và công bố chất lượng, Nhà trường có thể hình thành không gian học thuật có bản sắc riêng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.

Lộ trình phát triển tạp chí không nên bắt đầu từ câu hỏi “bao giờ vào Scopus?” mà là những câu hỏi sâu sắc hơn:

Chúng ta có gì mới để đóng góp cho khoa học?

Quy trình nào bảo đảm nội dung công bố đáng tin cậy?

Cộng đồng khoa học nào trên thế giới sẽ cần kiến thức này?

Nếu trả lời tốt, hội nhập quốc tế sẽ diễn ra tự nhiên, hiệu quả và bền vững. Việc được Scopus hoặc WoS ghi nhận sẽ là kết quả của quá trình phát

triển vững chắc chứ không phải mục tiêu chạy đua hình thức.

Cuối cùng, cần khẳng định rằng uy tín của một tạp chí khoa học không chỉ vì được lập chỉ mục quốc tế, mà uy tín thực sự của tạp chí phải được xây dựng trên nền tảng chất lượng học thuật, liên chính nghiên cứu, quản trị minh bạch và những đóng góp bền bỉ cho cộng đồng khoa học. Khi chất lượng trở thành văn hóa xuyên suốt trong mọi hoạt động xuất bản, việc được cộng đồng khoa học quốc tế công nhận sẽ là kết quả tất yếu.

Đóng góp của tác giả

P.X.K.: định hướng ý tưởng theo yêu cầu của ban tổ chức Hội nghị và điều kiện thực tế của Nhà trường, phê duyệt bản cuối.

V.T.T.: thu thập tài liệu, phân tích dữ liệu và viết bản thảo.

Tất cả tác giả đã đọc và chấp thuận bản thảo cuối cùng.

Tuyên bố xung đột lợi ích

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu, quyền tác giả việc công bố bài này.

Tuyên bố về việc sử dụng AI tạo sinh

Trong quá trình chuẩn bị bản thảo, các tác giả đã sử dụng ChatGPT-5.6 để cải thiện cách diễn đạt nhằm nâng cao tính mạch lạc của văn bản. Sau khi sử dụng công cụ, các tác giả đã kiểm tra, chỉnh sửa và xác minh nội dung, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bản thảo cuối cùng.

Tài liệu tham khảo

- [1] UNESCO. (2021). UNESCO recommendation on open science. UNESCO. <https://doi.org/10.54677/MNMH8546>
- [2] M.D. Wilkinson, M. Dumontier, I.J. Aalbersberg, et al. (2016). The FAIR guiding principles for scientific data management and stewardship. *Scientific Data*, 3, 160018. <https://doi.org/10.1038/sdata.2016.18>
- [3] M.R. Munafò, B.A. Nosek, D.V.M. Bishop, et al. (2017). A manifesto for reproducible science. *Nature Human Behaviour*, 1, 0021. <https://doi.org/10.1038/s41562-016-0021>
- [4] Elsevier. Generative AI policies for journals.

- <https://www.elsevier.com/about/policies-and-standards/generative-ai-policies-for-journals> (truy cập ngày 15/08/2026)
- [5] L. Bornmann. (2011). Scientific peer review. *Annual Review of Information Science and Technology*, 45(1), 197-245. <https://doi.org/10.1002/aris.2011.1440450112>
- [6] J.P. Tennant, T. Ross-Hellauer. (2020). The limitations to our understanding of peer review. *Research Integrity and Peer Review*, 5, 6. <https://doi.org/10.1186/s41073-020-00092-1>
- [7] Clarivate. Journal evaluation process and selection criteria. Web of Science Core Collection. <https://clarivate.com/academia-government/scientific-and-academic-research/research-discovery-and-referencing/web-of-science/web-of-science-core-collection/editorial-selection-process/journal-evaluation-process-selection-criteria/> (truy cập ngày 15/08/2026)
- [8] Clarivate. (2026). Why journals are put on hold in the Web of Science Core Collection - and how research integrity guides the process. <https://clarivate.com/academia-government/blog/why-journals-are-put-on-hold-in-web-of-science-core-collection-and-how-research-integrity-guides-the-process/>
- [9] Elsevier. Scopus content policy and selection. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection> (truy cập ngày 15/08/2026)
- [10] Bộ Khoa học và Công nghệ. (2026). Quyết định số 2244/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc ban hành Danh mục tạp chí đạt tiêu chuẩn khoa học Việt Nam.
- [11] N.T. Nguyen. (2016). Editorial. *Vietnam Journal of Computer Science*, 3, 1. <https://doi.org/10.1007/s40595-016-0057-1>